

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
đã được soát xét

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	5 – 53
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500443916 ngày 04 tháng 12 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 26 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Khắc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Cử	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Ủy viên
Ông Kim Mạnh Hà	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Trang	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Kim Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Việt Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Định	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020



Kim Mạnh Hà

Số : 195/2020/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020, từ trang 05 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.049.143.537.891	3.268.988.641.535
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	63.942.765.389	91.193.781.724
1.	Tiền	111		44.942.765.389	91.193.781.724
2.	Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.699.540.015.676	3.005.631.943.024
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.578.685.709.293	1.860.074.485.818
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	229.182.441.004	246.639.281.413
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	77.800.000.000	78.250.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	899.366.460.044	906.162.770.458
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(85.494.594.665)	(85.494.594.665)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.08	277.651.745.812	171.502.572.942
1.	Hàng tồn kho	141		277.651.745.812	171.502.572.942
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		8.009.011.014	660.343.845
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	291.548.218	330.543.944
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.588.213.298	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	129.249.498	329.799.901
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.638.487.048.194	1.613.380.284.968
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		87.420.237.655	86.660.237.655
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	12.068.294.800	11.308.294.800
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	75.351.942.855	75.351.942.855
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		206.361.524.210	213.370.568.226
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	185.121.615.082	190.415.866.958
	- Nguyên giá	222		267.302.124.343	258.003.706.161
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(82.180.509.261)	(67.587.839.203)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	21.069.925.659	22.670.173.179
	- Nguyên giá	225		31.833.001.347	31.833.001.347
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(10.763.075.688)	(9.162.828.168)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	169.983.469	284.528.089
	- Nguyên giá	228		913.607.500	913.607.500
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(743.624.031)	(629.079.411)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.13	249.250.858.388	218.138.730.972
1.	Nguyên giá	231		275.120.078.309	241.131.381.225
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(25.869.219.921)	(22.992.650.253)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	222.975.134.025	205.900.395.787
1.	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		222.975.134.025	205.900.395.787
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	871.256.509.879	887.756.509.879
1.	Đầu tư vào công ty con	251		368.869.137.544	445.369.137.544
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		404.401.153.927	344.401.153.927
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		157.422.150.000	159.257.150.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(68.285.931.592)	(70.120.931.592)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.850.000.000	8.850.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.222.784.037	1.553.842.449
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.222.784.037	1.553.842.449
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.687.630.586.085	4.882.368.926.503

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.898.097.017.936	4.192.942.965.154
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.858.387.574.546	3.113.396.406.714
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	1.102.404.438.760	1.406.604.225.200
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	161.354.289.145	127.794.450.208
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	31.632.690.820	37.102.941.136
4.	Phải trả người lao động	314		29.769.036.627	25.831.966.355
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	134.767.123.960	175.320.574.994
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	93.343.395	245.077.237
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	111.010.756.929	174.522.551.263
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	1.281.686.242.542	1.158.538.092.044
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		470.795.977	470.795.977
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.198.856.391	6.965.732.300
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.039.709.443.390	1.079.546.558.440
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19	51.164.408.237	52.129.832.351
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.20	10.062.945.138	10.164.945.138
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	977.494.676.547	1.016.264.367.483
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		987.413.468	987.413.468
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		789.533.568.149	689.425.961.349
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	789.533.568.149	689.425.961.349
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		673.643.390.000	577.411.140.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		673.643.390.000	577.411.140.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30.845.085)	(30.845.085)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.921.023.234	112.045.666.434
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		112.045.666.434	303.238.655
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		3.875.356.800	111.742.427.779
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.687.630.586.085	4.882.368.926.503

Người lập biểu



Đỗ Vũ Mai Nhung

Kế toán trưởng



Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc




Kim Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	588.113.375.419	1.111.244.765.193
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	102.100.009	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		588.011.275.410	1.111.244.765.193
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	555.449.473.939	1.025.276.325.865
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.561.801.471	85.968.439.328
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	57.938.859.518	31.015.092.373
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	59.715.349.765	52.860.739.945
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		58.303.341.263	50.705.370.073
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	73.733.044	148.496.868
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	26.725.717.077	26.522.389.932
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.985.861.103	37.451.904.956
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	409.793.972	776.611.792
12.	Chi phí khác	32	VI.07	438.455.045	1.274.923.482
13.	Lợi nhuận khác	40		(28.661.073)	(498.311.690)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.957.200.030	36.953.593.266
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	81.843.230	9.864.735.644
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	-	(371.747.210)
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.875.356.800	27.460.604.832

Người lập biểu



Đỗ Vũ Mai Nhung

Kế toán trưởng



Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Kim Mạnh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		3.957.200.030	36.953.593.266
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		19.184.031.866	17.088.514.977
-	Các khoản dự phòng	03		(1.835.000.000)	883.217.135
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	28.661.152
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(55.887.199.200)	(30.307.872.490)
-	Chi phí lãi vay	06		58.303.341.263	50.705.370.073
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		23.722.373.959	75.351.484.113
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		332.253.117.830	(462.228.672.777)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(140.137.869.954)	(21.925.831.662)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(284.177.311.287)	(119.607.184.590)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		370.054.138	771.415.615
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(45.318.394.237)	(65.025.391.795)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.000.570.182)	(23.479.765.912)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.766.875.909)	(5.767.279.409)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(121.055.475.642)	(621.911.226.417)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(26.373.156.420)	(63.043.593.469)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(17.200.000.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.450.000.000	63.400.000.000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.018.500.000	21.947.368.421
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.047.464.007	22.503.048.054
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(17.857.192.413)	27.606.823.006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		96.232.250.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		648.800.345.335	750.601.820.138
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(562.696.903.947)	(480.198.972.292)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.724.981.826)	(1.724.981.826)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.949.057.842)	(265.096.842)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		111.661.651.720	268.412.769.178
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(27.251.016.335)	(325.891.634.233)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		91.193.781.724	358.665.793.526
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		63.942.765.389	32.774.159.293

Người lập biểu



Đỗ Vũ Mai Nhung

Kế toán trưởng



Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Kim Mạnh Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hóa, trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Chi nhánh Công ty là:

Tên Chi nhánh Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai – Chi nhánh Miền Nam

Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 639, tờ bản đồ DC15, ấp Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

- Danh sách Công ty con gồm:

Tên Công ty con

Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai

Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế Xuân Mai

Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai

Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai

Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai

Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 4, tòa nhà CT2, Ngõ Thi Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Tầng 6, nhà 29T2 lô N05 - khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

Tầng 3, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

Tầng 5, tòa nhà CT2, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

<i>Tên Công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	Thôn Đại La, xã Hoà Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai miền Nam	Áp Rạch Bắp, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sơn An	Số 77/2, KP3, đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Sài Gòn	Số 10B Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	Số 64, đường Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	Tầng 1, tòa CT1, tổ hợp chung cư cao tầng Xuân Mai Tower, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Phần mềm quản lý nhân sự	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà và quyền sử dụng đất	50 năm
- Cơ sở hạ tầng	10 năm

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và

khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

09. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

b) Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

- Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:
 - Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
 - Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.
- Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:
 - Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
 - Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ. Tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về phí dịch vụ chung cư.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản hàng bán bị trả lại.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	3.681.800.221	1.044.304.276
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.260.965.168	90.149.477.448
- Các khoản tương đương tiền ^(*)	19.000.000.000	-
Cộng	<u>63.942.765.389</u>	<u>91.193.781.724</u>

(*): Là khoản tiền gửi 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tiền gửi có kì hạn số 2206/178640/2020/HĐTĐ. Lãi suất 4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn	8.850.000.000	8.850.000.000	8.850.000.000	8.850.000.000
+ Trái phiếu (*)	8.850.000.000	8.850.000.000	8.850.000.000	8.850.000.000
Cộng	8.850.000.000	8.850.000.000	8.850.000.000	8.850.000.000

(*) : Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2018, đáo hạn từ 07 năm đến 10 năm kể từ ngày phát hành của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chứng nhận, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng tham chiếu tại Ngày xác định lãi suất + 1%/năm, tổng số lượng trái phiếu là : 885 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng/TP.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con			368.869.137.544	-				445.369.137.544	-	
+ Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạ Tô	85,65	85,65	35.395.350.000	-	(*)	85,65	85,65	35.395.350.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	86,54	86,54	22.554.000.000	-	(*)	86,54	86,54	22.554.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	77,78	77,78	7.000.000.000	-	(*)	77,78	77,78	7.000.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	83,53	83,53	17.960.000.000	-	(*)	83,53	83,53	17.960.000.000	-	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	97,00	97,00	97.000.000.000	-	(*)	97,00	97,00	97.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	100,00	100,00	100.000.000.000	-	(*)	100,00	100,00	100.000.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	98,89	98,89	88.959.787.544	-	(*)	98,89	98,89	88.959.787.544	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa ^(a)	-	-	-	-	(*)	51,00	51,00	76.500.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			404.401.153.927	(68.285.931.592)				344.401.153.927	(68.285.931.592)	
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sơn An	32,10	32,10	29.970.755.000	-	(*)	32,10	32,10	29.970.755.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	49,00	49,00	40.430.398.927	(40.430.398.927)	(*)	49,00	49,00	40.430.398.927	(40.430.398.927)	(*)
+ Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	49,00	49,00	24.500.000.000	(24.500.000.000)	(*)	49,00	49,00	24.500.000.000	(24.500.000.000)	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Xuân Mai - Sài Gòn	20,00	20,00	200.000.000.000	(3.355.532.665)	(*)	20,00	20,00	200.000.000.000	(3.355.532.665)	(*)
+ Công ty CP Đầu Tư và Xây dựng Xuân Mai Thanh Hóa ^(a)	40,00	40,00	60.000.000.000	-	(*)	-	-	-	-	(*)
+ Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	49,00	49,00	49.500.000.000	-	(*)	49,00	49,00	49.500.000.000	-	(*)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ				Số đầu năm					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			157.422.150.000	-				159.257.150.000	(1.835.000.000)	
+ Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ ^(b)	-	-	-	-	(*)	6,12	6,12	1.835.000.000	(1.835.000.000)	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Bắc 2 ^(c)	0,13	0,13	722.150.000	-	1.377.640.000	0,13	0,13	722.150.000	-	1.133.220.000
+ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6,74	6,74	156.700.000.000	-	(*)	6,74	6,74	156.700.000.000	-	(*)
Cộng			930.692.441.471	(68.285.931.592)				949.027.441.471	(70.120.931.592)	

(*): Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giả niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(a): Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 11% vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai Thanh Hóa đã được Hội đồng quản trị thông qua theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 14/2020/BB/XMC – HĐQT và nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/2020/NQ/XMC – HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2020. Tại ngày 30/6/2020, số vốn Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai Thanh Hóa là 60.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ.

(b): Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần du lịch Khách sạn suối Mơ theo nghị quyết số 02/2020/NQ/XMC – HĐQT ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ và theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2020/HDCN ngày 08 tháng 01 năm 2020.

(c): Lấy theo giá đóng cửa của ngày 30 tháng 6 năm 2020 trên sàn giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Đơn vị tính: VND Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Công ty con	8.686.643.309	41.639.803.144
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Công ty con	24.877.325.346	50.384.995.208
- Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	Công ty con	-	2.345.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	Công ty con	-	410.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Công ty con	44.625.975.582	76.885.445.539
- Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	Công ty con	6.072.248.143	3.226.099.258
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	Công ty con	2.436.023.473	1.644.557.662
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	Công ty liên kết	85.808.811.559	116.144.091.366
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Sài Gòn	Công ty liên kết	251.724.098.905	348.872.588.005
Mua hàng hóa và dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Công ty con	12.928.215.557	83.496.596.426
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Công ty con	56.947.656.606	82.395.738.887
- Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	Công ty con	5.601.259.292	8.815.185.791
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	Công ty con	-	17.115.811.865
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Công ty con	117.372.292.139	161.107.405.662
- Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	Công ty con	10.375.253.451	14.489.336.494
- Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	Công ty con	4.642.403.583	5.344.361.482
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	Công ty liên kết	1.444.795.744	-
Chi phí lãi vay và lãi chậm thanh toán			
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Công ty con	357.404.623	1.047.228.478
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	Công ty con	-	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Công ty con	2.768.680.757	828.750.686
- Công ty Cổ phần cơ điện Xuân Mai	Công ty con	1.173.499.636	698.529.386
- Công ty Cổ phần cơ giới Vận tải Xuân Mai	Công ty con	120.923.122	196.263.107
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư			
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Xuân Mai - Sài Gòn	Công ty liên kết	-	883.217.135
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ			
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Công ty con	2.740.920.000	2.055.690.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Công ty con	3.424.856.013	3.040.276.750
- Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	Công ty con	1.050.000.000	700.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	Công ty con	3.091.500.000	4.122.000.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Công ty con	987.800.000	2.963.400.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	Công ty con	-	7.760.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	Công ty con	2.397.561.526	3.545.880.518

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.578.685.709.293	1.860.074.485.818
- Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại VT	146.697.581.558	146.697.581.558
- Công ty TNHH Bất động sản và Xây dựng Việt Hưng	42.708.280.493	86.842.706.941
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	488.012.296.583	537.793.998.241
- Chi nhánh Rose Town - Công ty cổ phần sản xuất Bao Bì và hàng xuất khẩu	271.406.849.683	275.166.849.683
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	629.860.700.976	813.573.349.395
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	12.068.294.800	11.308.294.800
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	12.068.294.800	11.308.294.800
Cộng	1.590.754.004.093	1.871.382.780.618

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	599.546.800.801	813.214.043.476
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	7.737.561.672	5.382.008.655
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	8.333.368.101	74.018.069.175
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Xuân Mai	4.688.759.694	21.662.531.202
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	52.456.015.589	136.131.883.682
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	1.623.802.120	1.630.555.479
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	10.496.259.605	10.496.259.605
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	20.873.729.142	20.873.729.142
- Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	488.012.296.583	537.793.998.241
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Sơn An	5.225.008.295	5.225.008.295
Phải thu của khách hàng dài hạn	12.068.294.800	11.308.294.800
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	12.068.294.800	11.308.294.800
Cộng	611.625.095.601	824.522.338.276

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	229.182.441.004	246.639.281.413
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	10.158.363.002	8.560.453.911
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	30.449.185	1.769.971.379
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Xuân Mai	23.070.448.199	22.952.382.857
- Công ty Cổ phần xây lắp Xuân Mai	80.276.668.775	63.450.779.260
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	349.515.760	392.075.760
- Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại VT	34.400.000.000	34.400.000.000
- Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư và thương mại Thăng Long	44.001.072.273	44.001.072.273
- Công ty Cổ phần Xây Dựng An Phong	-	16.383.647.880
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	36.895.923.810	54.728.898.093
Cộng	229.182.441.004	246.639.281.413

b. Trả trước người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	113.885.444.921	97.125.663.167
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	30.449.185	1.769.971.379
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	10.158.363.002	8.560.453.911
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	80.276.668.775	63.450.779.260
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Xuân Mai	23.070.448.199	22.952.382.857
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	349.515.760	392.075.760
Cộng	113.885.444.921	97.125.663.167

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	77.800.000.000	(14.800.000.000)	78.250.000.000	(14.800.000.000)
+ Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
+ Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar	3.300.000.000	(3.300.000.000)	3.300.000.000	(3.300.000.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại VT	63.000.000.000	-	63.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Hàng Xuất khẩu	-	-	450.000.000	-
Cộng	77.800.000.000	(14.800.000.000)	78.250.000.000	(14.800.000.000)

06. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	899.366.460.044	(985.246.528)	906.162.770.458	(985.246.528)
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	11.261.119.031	-	3.390.899.031	-
- Tạm ứng	42.165.192.994	-	51.979.911.607	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	65.945.000	-	13.448.185	-
- Phải thu khác	845.874.203.019	(985.246.528)	850.778.511.635	(985.246.528)
+ Phải thu về tiền mua đất đã trả cho người bán nhưng chưa hoàn thành xong thủ tục pháp lý ^(a)	40.609.408.000	-	40.609.408.000	-
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar	985.246.528	(985.246.528)	985.246.528	(985.246.528)
+ Công ty cổ phần Bê tông Phan Vũ Hải Dương	10.385.297.030	-	10.385.297.030	-
+ Lãi phải thu Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Hàng xuất khẩu	689.481.288.279	-	717.974.457.340	-
+ Công ty TNHH Thương mại - Tư vấn và xây dựng Việt Hưng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
+ NH Đầu tư và Phát triển Hà Tây	348.714.815	-	381.175.369	-
+ Tổng Công ty Phát triển phát thanh truyền hình thông tin	68.724.418.692	-	68.724.418.692	-
+ CN Rose Town - Cty CP sản xuất Bao Bì và hàng xuất khẩu	3.550.923.400	-	1.382.108.200	-
+ Các khoản phải thu khác	21.788.906.275	-	336.400.476	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Dài hạn	75.351.942.855	-	75.351.942.855	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	53.410.000.000	-	53.410.000.000	-
- Phải thu khác	21.941.942.855	-	21.941.942.855	-
+ Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành	6.950.012.623	-	6.950.012.623	-
+ Công ty TNHH Thương mại - Tư vấn và Xây dựng Việt Hưng	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 1.01 (góp vốn đầu tư xây dựng dự án nhà ở Hemisco)	8.991.930.232	-	8.991.930.232	-
Cộng	974.718.402.899	(985.246.528)	981.514.713.313	(985.246.528)

^(a) Là khoản đã trả tiền cho người bán để mua đất nhưng chưa hoàn thành xong các thủ tục pháp lý. Kiểm toán Nhà nước năm 2011 đã đề nghị điều chỉnh khoản trả trước này sang khoản phải thu khác.

07. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần bê tông Xuân Mai Miền Nam	21.536.504.681	851.966.098	21.536.504.681	851.966.098
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	20.873.729.142	-	20.873.729.142	-
- Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng Megastar	4.285.246.528	-	4.285.246.528	-
- Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	16.919.304.321	-	16.919.304.321	-
- Công ty Cổ phần Hạ Tầng Bảo tín	1.928.278.534	1.617.514.071	1.928.278.534	1.617.514.071
- Các đối tượng khác	22.441.311.032	20.299.404	22.441.311.032	20.299.404
Cộng	87.984.374.238	2.489.779.573	87.984.374.238	2.489.779.573

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	14.836.304.734	-	12.481.246.210	-
- Công cụ, dụng cụ	50.581.049	-	125.593.126	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	248.470.253.415	-	158.895.733.606	-
- Hàng hoá	14.294.606.614	-	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	277.651.745.812	-	171.502.572.942	-

09. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>222.975.134.025</i>	<i>222.975.134.025</i>	<i>205.900.395.787</i>	<i>205.900.395.787</i>
- Bãi thành phẩm	826.776.236	826.776.236	-	-
- Đầu tư hàng rào chắn trường đua F1	152.685.735.024	152.685.735.024	141.421.850.322	141.421.850.322
- Khu chứa cầu kiện phục vụ các công trình xây dựng công nghiệp thể dục thể thao	65.010.266.092	65.010.266.092	60.026.188.792	60.026.188.792
- Dự án cải tạo nâng cấp trạm bơm Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	4.452.356.673	4.452.356.673	4.452.356.673	4.452.356.673
Cộng	222.975.134.025	222.975.134.025	205.900.395.787	205.900.395.787

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>78.047.262.998</i>	<i>156.543.509.255</i>	<i>15.235.697.002</i>	<i>7.816.936.906</i>	<i>360.300.000</i>	<i>258.003.706.161</i>
- Mua trong kỳ	-	103.118.182	9.195.300.000	-	-	9.298.418.182
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>78.047.262.998</i>	<i>156.646.627.437</i>	<i>24.430.997.002</i>	<i>7.816.936.906</i>	<i>360.300.000</i>	<i>267.302.124.343</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>11.368.113.726</i>	<i>44.214.194.033</i>	<i>7.867.966.106</i>	<i>3.777.265.338</i>	<i>360.300.000</i>	<i>67.587.839.203</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.305.011.413	11.760.285.329	941.820.675	585.552.641	-	14.592.670.058
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>12.673.125.139</i>	<i>55.974.479.362</i>	<i>8.809.786.781</i>	<i>4.362.817.979</i>	<i>360.300.000</i>	<i>82.180.509.261</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>66.679.149.272</i>	<i>112.329.315.222</i>	<i>7.367.730.896</i>	<i>4.039.671.568</i>	-	<i>190.415.866.958</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>65.374.137.859</i>	<i>100.672.148.075</i>	<i>15.621.210.221</i>	<i>3.454.118.927</i>	-	<i>185.121.615.082</i>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 3.532.703.187 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 270.451.433.768 VND và 189.206.897.188 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>31.833.001.347</i>	<i>31.833.001.347</i>
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>31.833.001.347</i>	<i>31.833.001.347</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>9.162.828.168</i>	<i>9.162.828.168</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.600.247.520	1.600.247.520
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>10.763.075.688</i>	<i>10.763.075.688</i>
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>22.670.173.179</i>	<i>22.670.173.179</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>21.069.925.659</i>	<i>21.069.925.659</i>

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản trị nhân sự	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>426.300.000</i>	<i>487.307.500</i>	<i>913.607.500</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>426.300.000</i>	<i>487.307.500</i>	<i>913.607.500</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>284.963.986</i>	<i>344.115.425</i>	<i>629.079.411</i>
- Khấu hao trong kỳ	114.544.620	-	114.544.620
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>399.508.606</i>	<i>344.115.425</i>	<i>743.624.031</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>141.336.014</i>	<i>143.192.075</i>	<i>284.528.089</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>26.791.394</i>	<i>143.192.075</i>	<i>169.983.469</i>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng 121.532.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	241.131.381.225	33.988.697.084	-	275.120.078.309
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	239.297.366.018	33.988.697.084	-	273.286.063.102
- Cơ sở hạ tầng	1.834.015.207	-	-	1.834.015.207
II. Giá trị hao mòn lũy kế	22.992.650.253	2.876.569.668	-	25.869.219.921
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	22.152.059.953	2.784.868.908	-	24.936.928.861
- Cơ sở hạ tầng	840.590.300	91.700.760	-	932.291.060
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	218.138.730.972	33.988.697.084	(2.876.569.668)	249.250.858.388
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	217.145.306.065	33.988.697.084	(2.784.868.908)	248.349.134.241
- Cơ sở hạ tầng	993.424.907	-	(91.700.760)	901.724.147

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

14. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	291.548.218	330.543.944
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	220.590.117	183.114.964
- Chi phí trả trước về thuế TNDN tạm nộp	30.368.764	4.490.646
- Các khoản khác	40.589.337	142.938.334
b. Dài hạn	1.222.784.037	1.553.842.449
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.222.784.037	1.553.842.449
Cộng	1.514.332.255	1.884.386.393

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	1.158.538.092.044	1.158.538.092.044	586.570.036.271	463.421.885.773	1.281.686.242.542	1.281.686.242.542
- Vay ngân hàng	1.108.597.340.452	1.108.597.340.452	540.077.334.519	454.128.423.947	1.194.546.251.024	1.194.546.251.024
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ^(a)	870.692.578.223	870.692.578.223	389.212.479.113	383.329.151.122	876.575.906.214	876.575.906.214
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1 ^(b)	233.104.762.229	233.104.762.229	102.618.123.955	65.999.272.825	269.723.613.359	269.723.613.359
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	4.800.000.000	4.800.000.000	48.246.731.451	4.800.000.000	48.246.731.451	48.246.731.451
- Vay đối tượng khác	2.330.787.940	2.330.787.940	10.358.528.846	278.480.000	12.410.836.786	12.410.836.786
+ Vay các tổ chức	-	-	7.800.000.000	200.000.000	7.600.000.000	7.600.000.000
+ Vay cá nhân	2.330.787.940	2.330.787.940	2.558.528.846	78.480.000	4.810.836.786	4.810.836.786
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	47.609.963.652	47.609.963.652	36.134.172.906	9.014.981.826	74.729.154.732	74.729.154.732
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ^(d)	44.160.000.000	44.160.000.000	34.409.191.080	7.290.000.000	71.279.191.080	71.279.191.080
+ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(f)	3.449.963.652	3.449.963.652	1.724.981.826	1.724.981.826	3.449.963.652	3.449.963.652

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.016.264.367.483	1.016.264.367.483	98.364.481.970	137.134.172.906	977.494.676.547	977.494.676.547
<i>b.1 Vay dài hạn</i>	<i>109.364.440.178</i>	<i>109.364.440.178</i>	<i>98.364.481.970</i>	<i>35.409.191.080</i>	<i>172.319.731.068</i>	<i>172.319.731.068</i>
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	<i>109.364.440.178</i>	<i>109.364.440.178</i>	<i>98.364.481.970</i>	<i>35.409.191.080</i>	<i>172.319.731.068</i>	<i>172.319.731.068</i>
- Vay ngân hàng	72.976.243.472	72.976.243.472	98.364.481.970	34.409.191.080	136.931.534.362	136.931.534.362
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ^(d)	72.976.243.472	72.976.243.472	98.364.481.970	34.409.191.080	136.931.534.362	136.931.534.362
- Vay đối tượng khác	36.388.196.706	36.388.196.706	-	1.000.000.000	35.388.196.706	35.388.196.706
+ Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai ^(e)	36.388.196.706	36.388.196.706	-	1.000.000.000	35.388.196.706	35.388.196.706
<i>b.2 Nợ thuê tài chính</i>	<i>6.899.927.305</i>	<i>6.899.927.305</i>	<i>-</i>	<i>1.724.981.826</i>	<i>5.174.945.479</i>	<i>5.174.945.479</i>
+ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(f)	6.899.927.305	6.899.927.305	-	1.724.981.826	5.174.945.479	5.174.945.479
<i>b.3. Trái phiếu thường^(g)</i>	<i>900.000.000.000</i>	<i>900.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>800.000.000.000</i>	<i>800.000.000.000</i>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	900.000.000.000	900.000.000.000	-	100.000.000.000	800.000.000.000	800.000.000.000
Cộng	2.174.802.459.527	2.174.802.459.527	684.934.518.241	600.556.058.679	2.259.180.919.089	2.259.180.919.089

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về các khoản vay:

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng số 01/2019/178640/HĐTD ngày 19 tháng 7 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với hạn mức tối đa 1.080 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản sau:
- Tầng 3 tòa nhà CT2 Ngô Thị Nhậm - Hà Đông và nội thất gắn liền;
 - Văn phòng Công ty tại tầng 4 tòa tháp Xuân Mai Tower Tô Hiệu - Hà Đông và nội thất gắn liền;
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác ;
 - Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng ;
 - Và một số các tài sản khác.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Số Giao dịch 1 theo hợp đồng số 01/2019/178640/HĐTD ngày 22 tháng 7 năm 2019 với hạn mức tối đa 540 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng . Lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản: Cần trục tháp QTZ 7030, cần trục tháp ZOOMLION TC 7030B, Cầu tháp QTZ 7030 ĐQSD số 4, cầu tháp POTAIN-F3/29B, cầu tháp JCC180U số 1 và cầu tháp JCC180U số 2 và một số các tài sản khác.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số HĐTD105202057 ngày 22 tháng 04 năm 2020 để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tối đa 500 tỷ đồng. Thời hạn vay là 01 năm. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm và tài sản bảo đảm bổ sung bao gồm toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai tại 06 Công ty con.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng số 02/2015/178640/HĐTD ngày 30 tháng 01 năm 2015, số 02/2015/178640/HĐTD ngày 14 tháng 02 năm 2015 và số 01/2017/178640/HĐTD ngày 10 tháng 4 năm 2017 với tổng hạn mức là 192.658.000.000 đồng để đầu tư máy móc thiết bị và mua cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay và toàn bộ 9.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào
- (e) Khoản vay Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai theo khế ước vay vốn số 01/2014/KU/XMC – XME ngày 01/8/2014; 02/2014/KU/XMC-XME ngày 24/3/2014 ; 01/2017/ KU/XMC-XME ngày 20 tháng 1 năm 2017 và các phụ lục kèm theo để phục vụ đầu tư xây dựng dự án Xuân Mai Riverside, lãi suất vay 3,5%/năm.
- (f) Khoản vay Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hình thức thuê tài chính căn cứ theo hợp đồng số 39.16.01/CTTC ngày 31/5/2016. Thời hạn 72 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Ngân hàng giải ngân khoản tiền đặt cho bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/ lần. Tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(g) Chi tiết trái phiếu phát hành

Trái chủ	Số lượng	Số dư cuối kỳ	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%)	Tài sản đảm bảo
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	800	800.000.000.000	Năm 2021	10%	(*)
Cộng	800	800.000.000.000			

(*) Tài sản đảm bảo là:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai đối với công trình N0-DV02, N0-DV03, N0-DV04 thuộc dự án Khu Văn phòng giao dịch, nhà ở chung cư cao tầng, khu căn hộ khách sạn lưu trú, khu biệt thự, nhà vườn để bán và cho thuê - Rose Town tại Km 9 đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐTC/XMC-BIDV.HTA ngày 28 tháng 08 năm 2019;
- Toàn bộ quyền tài sản với công trình N0-DV01, N0-DV05 thuộc dự án Khu Văn phòng giao dịch, nhà ở chung cư cao tầng, khu căn hộ khách sạn lưu trú, khu biệt thự, nhà vườn để bán và cho thuê - Rose Town tại Km 9 đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 05/2018/178640/HĐBB ngày 11 tháng 12 năm 2018.

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	1.102.404.438.760	1.102.404.438.760	1.406.604.225.200	1.406.604.225.200
- Công ty Cổ phần xây lắp Xuân Mai	211.749.771.175	211.749.771.175	252.121.707.780	252.121.707.780
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	37.490.088.283	37.490.088.283	36.492.631.745	36.492.631.745
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	68.968.200.668	68.968.200.668	146.484.778.208	146.484.778.208
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	83.884.483.893	83.884.483.893	128.480.025.257	128.480.025.257
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Xuân Mai	34.879.558.579	34.879.558.579	52.263.232.908	52.263.232.908
- Công ty TNHH Xây Dựng - Đầu Tư Mê Kong	26.703.805.550	26.703.805.550	35.798.425.675	35.798.425.675
- Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	119.617.660.530	119.617.660.530	170.009.102.481	170.009.102.481
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	519.110.870.082	519.110.870.082	584.954.321.146	584.954.321.146
Cộng	1.102.404.438.760	1.102.404.438.760	1.406.604.225.200	1.406.604.225.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>Phải trả người bán là công ty con</i>	389.022.697.208	389.022.697.208	526.362.032.174	526.362.032.174
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	37.490.088.283	37.490.088.283	36.492.631.745	36.492.631.745
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	6.490.739.843	6.490.739.843	11.099.270.518	11.099.270.518
- Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai	13.507.206.688	13.507.206.688	12.003.182.718	12.003.182.718
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	211.749.771.175	211.749.771.175	252.121.707.780	252.121.707.780
- Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	34.879.558.579	34.879.558.579	52.263.232.908	52.263.232.908
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	15.937.131.972	15.937.131.972	15.897.228.297	15.897.228.297
- Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	68.968.200.668	68.968.200.668	146.484.778.208	146.484.778.208
<i>Phải trả người bán là công ty liên kết</i>	2.185.387.426	2.185.387.426	596.112.107	596.112.107
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Sơn An	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	122.595.368	122.595.368	122.595.368	122.595.368
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Mai - Sài Gòn	2.023.792.058	2.023.792.058	434.516.739	434.516.739
Cộng	391.208.084.634	391.208.084.634	526.958.144.281	526.958.144.281

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	161.354.289.145	161.354.289.145	127.794.450.208	127.794.450.208
- Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng EMICO	17.468.000.000	17.468.000.000	17.468.000.000	17.468.000.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hùng Thắng	-	-	2.752.560.235	2.752.560.235
- CTy TNHH MTV Công trình giao thông Hà Nội	7.465.509.385	7.465.509.385	7.465.509.385	7.465.509.385
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	32.217.240.556	32.217.240.556	31.618.471.492	31.618.471.492
- Công ty TNHH Việt Nam Grand Prix	54.535.394.624	54.535.394.624	28.708.983.015	28.708.983.015
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	49.668.144.580	49.668.144.580	39.780.926.081	39.780.926.081
Cộng	161.354.289.145	161.354.289.145	127.794.450.208	127.794.450.208

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	8.006.330.251	3.066.309.605	6.124.363.980	-	4.948.275.876
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	27.204.297.550	107.721.348	6.000.570.182	-	21.311.448.716
- Thuế thu nhập cá nhân	-	873.870.299	4.838.734.208	1.348.361.485	-	4.364.243.022
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	329.799.901	-	349.377.757	148.827.354	129.249.498	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	893.245.024	-	-	-	893.245.024
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	125.198.012	119.478.182	129.198.012	-	115.478.182
Cộng	329.799.901	37.102.941.136	8.481.621.100	13.751.321.013	129.249.498	31.632.690.820

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	134.767.123.960	175.320.574.994
- Chi phí lãi vay	50.416.080.366	37.431.133.340
- Trích trước chi phí khấu hao BĐSĐT vào giá vốn	1.930.848.228	1.930.848.228
- Trích trước chi phí công trình	80.599.559.549	135.958.593.426
- Chi phí phải trả khác	1.820.635.817	-
b. Dài hạn	51.164.408.237	52.129.832.351
- Trích trước chi phí khấu hao BĐSĐT vào giá vốn	51.164.408.237	52.129.832.351
Cộng	185.931.532.197	227.450.407.345

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	111.010.756.929	174.522.551.263
- Kinh phí công đoàn	825.933.887	659.054.537
- Bảo hiểm xã hội	2.838.472.753	187.903.787
- Bảo hiểm y tế	322.645.458	218.795.402
- Bảo hiểm thất nghiệp	123.055.925	80.915.864
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.350.000	10.350.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	8.399.273.809	77.348.331.651
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.491.025.097	96.017.200.022
+ Phí bảo trì Chung cư	1.608.795.793	4.106.679.935
+ Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng EMICO	37.783.964.123	35.186.372.935
+ Tổng Công ty phát triển phát thanh truyền hình Thông tin	9.200.000.000	7.700.000.000
+ Vay cá nhân	46.463.395.003	45.485.889.104
+ Phải trả, phải nộp khác	3.434.870.178	3.538.258.048
b. Dài hạn	10.062.945.138	10.164.945.138
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.062.945.138	10.164.945.138
Cộng	121.073.702.067	184.687.496.401

21. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	93.343.395	245.077.237
- Tiền dịch vụ chung cư	-	71.332.567
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	93.343.395	173.744.670
Cộng	93.343.395	245.077.237

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	549.919.800.000	(30.845.085)	105.400.532.595	655.289.487.510
Tăng vốn trong năm trước	27.491.340.000	-	-	27.491.340.000
Lãi trong năm trước	-	-	111.742.427.779	111.742.427.779
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	(105.097.293.940)	(105.097.293.940)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	577.411.140.000	(30.845.085)	112.045.666.434	689.425.961.349
Số dư đầu năm nay	577.411.140.000	(30.845.085)	112.045.666.434	689.425.961.349
Tăng vốn trong kỳ này (*)	96.232.250.000	-	-	96.232.250.000
Lãi trong kỳ này	-	-	3.875.356.800	3.875.356.800
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	673.643.390.000	(30.845.085)	115.921.023.234	789.533.568.149

(*): Tăng vốn bằng tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
- Công ty TNHH Khải Hưng	231.309.740.000	34,3	198.080.150.000	34,3
- Bà Đinh Thị Thanh Hà	155.526.240.000	23,1	145.526.240.000	25,2
- Các cổ đông khác	286.807.410.000	42,6	233.804.750.000	40,5
Cộng	673.643.390.000	100	577.411.140.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	577.411.140.000	549.919.800.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	96.232.250.000	27.491.340.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	673.643.390.000	577.411.140.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	105.097.293.940

e. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	67.364.339	57.741.114
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	67.364.339	57.741.114
+ Cổ phiếu phổ thông	67.364.339	57.741.114
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.760	1.760
+ Cổ phiếu phổ thông	1.760	1.760
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	67.362.579	57.739.354
+ Cổ phiếu phổ thông	67.362.579	57.739.354
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	96,49	96,49
- EUR	74,38	74,48

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Doanh thu bán hàng	75.055.613.422	163.718.977.309
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	412.518.870.924	670.873.925.148
- Doanh thu sản xuất công nghiệp	79.573.509.952	163.677.689.860
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.164.994.569	96.499.190.700
- Doanh thu khác	13.800.386.552	16.474.982.176
Cộng	588.113.375.419	1.111.244.765.193

Ngoài các doanh thu đã thuyết minh tại mục V.02, không còn doanh thu nào khác với các bên liên quan.

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Hàng bán bị trả lại	102.100.009	-
Cộng	102.100.009	-

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	68.590.723.531	162.373.221.268
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	393.730.693.653	626.873.178.889
- Giá vốn sản xuất công nghiệp	67.600.384.186	146.394.768.055
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	6.691.756.246	70.977.453.296
- Giá vốn của hoạt động khác	18.835.916.323	18.657.704.357
Cộng	555.449.473.939	1.025.276.325.865

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.061.061.661	6.120.625.222
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	707.219.883
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.692.637.539	24.187.247.268
- Lãi chênh lệch tỷ giá	2.051.660.318	-
- Lãi bán các khoản đầu tư	5.133.500.000	-
Cộng	57.938.859.518	31.015.092.373

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Lãi tiền vay	58.303.341.263	50.705.370.073
- Hoàn nhập dự phòng	(1.835.000.000)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	28.661.152
- Dự phòng tổn thất đầu tư	-	883.217.135
- Chi phí tài chính khác	3.247.008.502	1.243.491.585
Cộng	59.715.349.765	52.860.739.945

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Tiền phạt thu được	-	393.614.888
- Các khoản khác	409.793.972	382.996.904
Cộng	409.793.972	776.611.792

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Khấu hao tài sản không phục vụ mục đích kinh doanh	176.713.986	-
- Chi phạt vi phạm hành chính, truy thu các khoản thuế phải nộp và lãi chậm nộp các năm trước	186.171.654	1.027.328.702
- Các khoản khác	75.569.405	247.594.780
Cộng	438.455.045	1.274.923.482

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	26.725.717.077	26.522.389.932
- Chi phí nhân viên quản lý	14.903.644.171	16.553.995.511
- Chi phí vật liệu quản lý	77.734.973	96.211.447
- Chi phí đồ dùng văn phòng	289.139.569	322.911.495
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.911.877.331	2.928.701.950
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.088.164.996	4.260.578.876
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.451.156.037	2.355.990.653
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	73.733.044	148.496.868
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	29.650.000
- Chi phí khác bằng tiền	73.733.044	118.846.868
Cộng	26.799.450.121	26.670.886.800

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	81.843.230	9.864.735.644
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	81.843.230	9.864.735.644

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(371.747.210)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(371.747.210)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.654.700.687	79.653.104.084
- Chi phí nhân công	75.686.288.765	61.675.327.074
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.184.031.866	17.088.514.977
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.443.157.910	49.407.479.205
- Chi phí lãi vay vốn hóa	2.181.362.050	22.560.416.667
- Thầu phụ	408.146.867.409	677.938.270.112
- Chi phí khác bằng tiền	24.388.769.399	21.175.920.852
Cộng	666.685.178.086	929.499.032.971

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
Tiền lương và phụ cấp	2.934.428.824	3.082.550.674
Cộng	2.934.428.824	3.082.550.674

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai - Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	Công ty liên kết

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đã thuyết minh tại mục V.02 không còn nghiệp vụ nào khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04 và V.16 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay	11.500.000.000	11.500.000.000
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	11.000.000.000	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	500.000.000	500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	11.267.470.420	4.957.250.420
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị Sơn An	6.351.389	6.351.389
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Xuân Mai	6.482.399.031	3.390.899.031
- Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	2.740.920.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	987.800.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới vận tải Xuân Mai	1.050.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xuân Mai	200.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35.388.196.706	36.388.196.706
- Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	35.388.196.706	36.388.196.706
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	77.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	-	77.500.000

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp gồm: xây dựng và sản xuất bê tông;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản bao gồm: Chuyển nhượng bất động sản và cho thuê bất động sản dài hạn ghi nhận doanh thu 01 lần;
- Lĩnh vực hợp tác kinh doanh: là hoạt động hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng dự án bất động sản để bán;
- Lĩnh vực khác: Bao gồm bán hàng hóa, vật tư, cho thuê bất động sản, cho thuê máy móc thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Doanh thu khác	Cộng
Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	492.092.380.876	7.164.994.569	88.753.899.965	588.011.275.410
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	485.183.884.152	7.112.792.427	91.728.737.728	584.025.414.307
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	6.908.496.724	52.202.142	(2.974.837.763)	3.985.861.103
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	22.071.055.227	321.360.373	3.980.740.820	26.373.156.420
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.000.737.762	232.974.953	2.885.896.904	19.119.609.619
Số dư tại ngày 30/6/2020				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.140.318.791.551	45.723.868.039	566.388.651.228	3.752.431.310.818
- Tài sản không phân bổ				935.199.275.267
Tổng tài sản	3.140.318.791.551	45.723.868.039	566.388.651.228	4.687.630.586.085
- Nợ phải trả bộ phận	3.257.872.093.502	47.435.475.052	587.590.592.990	3.892.898.161.544
- Nợ phải trả không phân bổ				5.198.856.392
Tổng nợ phải trả	3.257.872.093.502	47.435.475.052	587.590.592.990	3.898.097.017.936

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Doanh thu khác	Cộng
Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	834.551.615.008	96.499.190.700	180.193.959.485	1.111.244.765.193
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	816.622.856.865	76.139.077.747	181.030.925.625	1.073.792.860.237
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	17.928.758.143	20.360.112.953	(836.966.140)	37.451.904.956
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	47.345.124.268	5.474.631.638	10.222.837.563	63.042.593.469
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.389.799.420	1.663.892.291	3.107.003.674	19.160.695.385
Số dư tại ngày 30/6/2019				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.683.285.215.116	310.268.229.094	579.367.145.955	3.572.920.590.165
- Tài sản không phân bổ				871.538.053.911
Tổng tài sản	2.683.285.215.116	310.268.229.094	579.367.145.955	4.444.458.644.076
- Nợ phải trả bộ phận	2.826.484.500.927	326.826.360.360	610.286.319.605	3.763.597.180.892
- Nợ phải trả không phân bổ				8.727.104.782
Tổng nợ phải trả	2.826.484.500.927	326.826.360.360	610.286.319.605	3.772.324.285.674

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản trương đương tiền	63.942.765.389	-	91.193.781.724	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.469.831.268.998	(70.694.594.665)	2.747.494.134.139	(70.694.594.665)	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	77.800.000.000	(14.800.000.000)	78.250.000.000	(14.800.000.000)	(*)	(*)
Cộng	2.611.574.034.387	(85.494.594.665)	2.916.937.915.863	(85.494.594.665)		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.102.404.438.760	1.406.604.225.200	(*)	(*)
Vay và nợ	2.259.180.919.089	2.174.802.459.527	(*)	(*)
Chi phí phải trả	185.931.532.197	227.450.407.345	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	106.890.298.906	173.365.531.673	(*)	(*)
Cộng	3.654.407.188.952	3.982.222.623.745		

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**05. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10 và V.15). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	<i>Đơn vị tính: VND</i> Giá trị sổ sách
Số cuối kỳ	
Trụ sở VP CT2 Tô Hiệu - toà tháp Xuân Mai (Phần XD): 4.213m2	49.604.941.329
Hạ tầng TT Thương Mại	3.699.814.398
Sân Tennis khu TT Thương Mại	362.743.133
Trạm trộn 75m3/h phần xây dựng	1.887.179.454
Trạm trộn 120m3/h phần xây dựng	357.943.180
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD1 - phần xây dựng	4.434.228.890
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD2 - Phần xây dựng (TTC)	3.054.091.883
Trạm trộn 75m3/h phần thiết bị	1.734.917.165
Trạm trộn 120m3/h phần thiết bị	1.320.676.808
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD1- phần thiết bị	20.034.066.763
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD3+GD4	59.518.976.541
Trụ sở văn phòng CT2 Hành Chính - Phần Thiết bị thang máy, điều hòa	2.997.898.100
Cầu tháp Zoomlion TC7035B-16 (số 2)	4.182.579.624
Cầu tháp Zoomlion TC7035B-16 (số 1)	4.288.425.973
Cầu tháp QTZ 7030B (16 tấn) số chế tạo 0207B452 (A16-02-248)	2.941.031.751
Vận thăng DAHAN (số 1) số chế tạo 193769	377.609.921
Vận thăng DAHAN (số 2) số chế tạo 193783	377.609.921
Vận thăng MCM 200 (số 1)	315.024.402
Vận thăng MCM 200 (số 2)	315.024.402
Vận thăng NTP SC200/200 (số 1)	329.522.856
Vận thăng NTP SC200/200 (số 2)	329.522.856
Vận thăng Zoomlion (số 1)	506.566.676
Vận thăng Zoomlion (số 2)	506.566.676
Ô tô 7 chỗ Toyota Land Cruiser Brado TX-L (BKS 30E 472.96)	1.239.254.516
Ô tô 7 chỗ Toyota Highlander Le (BKS 30E 471.97)	917.446.671
Trụ sở VP CT2 Tô Hiệu - toà tháp Xuân Mai (Phần Nội thất)	2.503.307.640
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD2 - Phần Thiết bị (TTC)	21.069.925.659
Cộng (Giá trị còn lại)	<u>189.206.897.188</u>

Số đầu năm

Trụ sở VP CT2 Tô Hiệu - toà tháp Xuân Mai (Phần XD): 4.213m2	50.409.563.247
Hạ tầng TT Thương Mại	3.875.996.040
Sân Tennis khu TT Thương Mại	380.016.617
Trạm trộn 75m3/h phần xây dựng	1.934.365.494
Trạm trộn 120m3/h phần xây dựng	366.536.110
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD1 - phần xây dựng	4.543.281.722
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD2 - Phần xây dựng (TTC)	3.124.843.043
Trạm trộn 75m3/h phần thiết bị	1.908.505.319
Trạm trộn 120m3/h phần thiết bị	1.433.985.590
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD1- phần thiết bị	21.913.207.669
Dây chuyền sản xuất tấm tường Acotec GD3+GD4	66.958.848.609
Trụ sở văn phòng CT2 Hành Chính - Phần Thiết bị thang máy, điều hòa	3.388.928.288
Cầu tháp Zoomlion TC7035B-16 (số 2)	4.482.525.576
Cầu tháp Zoomlion TC7035B-16 (số 1)	4.606.087.153
Cầu tháp QTZ 7030B (16 tấn)	3.196.773.639
Vận thăng DAHAN (số 1)	461.523.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vận thăng DAHAN (số 2)	461.523.239
Vận thăng MCM 200 (số 1)	426.209.478
Vận thăng MCM 200 (số 2)	426.209.478
Vận thăng NTP SC200/200 (số 1)	423.672.240
Vận thăng NTP SC200/200 (số 2)	423.672.240
Vận thăng Zoomlion (số 1)	604.611.836
Vận thăng Zoomlion (số 2)	604.611.836
Ô tô 7 chỗ Toyota Land Cruiser Brado TX-L (BKS 30E 472.96)	1.414.274.516
Ô tô 7 chỗ Toyota Highlander Le (BKS 30E 471.97)	1.047.313.557
Trụ sở VP CT2 Tô Hiệu - toà tháp Xuân Mai (Phần Nội thất)	2.830.537.392
Cộng (Giá trị còn lại)	<u>181.647.623.167</u>

06. Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên kết và các đối tượng khác vay tiền. Các khoản cho vay có khả năng suy giảm đã được Công ty trích dự phòng đầy đủ, đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các khoản còn lại đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	1.102.404.438.760	-	-	1.102.404.438.760
Vay và nợ	1.281.686.242.542	977.494.676.547	-	2.259.180.919.089
Chi phí phải trả	134.767.123.960	51.164.408.237	-	185.931.532.197
Các khoản phải trả khác	106.890.298.906	-	-	106.890.298.906
Cộng	2.625.748.104.168	1.028.659.084.784	-	3.654.407.188.952
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	1.406.604.225.200	-	-	1.406.604.225.200
Vay và nợ	1.158.538.092.044	1.016.264.367.483	-	2.174.802.459.527
Chi phí phải trả	175.320.574.994	52.129.832.351	-	227.450.407.345
Các khoản phải trả khác	173.365.531.673	-	-	173.365.531.673
Cộng	2.913.828.423.911	1.068.394.199.834	-	3.982.222.623.745

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

